**NS:**

**ND:**

**BÀI 3 – SỰ SỐNG THIÊNG LIÊNG**

**(VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)**

**Môn học**: Ngữ Văn/Lớp: 8

Thời gian thực hiện: 17 tiết (27 - 43)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nhận biết và xác định được những bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. Nhận diện và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Trình bày được ý kiến của bản thân về một vấn đề xã hội.

**2. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 27: TRI THỨC NGỮ VĂN: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* trong SGK (trang 55) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần giới thiệu bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.  - GV chốt kiển thức về chủ đề bài học 🡺 Ghi lên bảng. |  |

**\*Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **I. Tri thức Ngữ văn** | |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên  *+ Phân biệt luận đề và luận điểm?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  và mối liên hệ giữa các yếu tố này.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 56)  *+ Bằng chứng khách quan là gì?*  *+ Ý kiến đánh giá chủ quan.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi chép tóm lược nội dung kiến thức  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tiếp quan sát *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 57, 58)  + Nghĩa của yếu tố Hán Việt  + Nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán Việt.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi chép tóm lược nội dung kiến thức  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Tri thức Ngữ văn**  **1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**  - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được làm sáng tỏ bằng hệ thống luận điểm và các lí lẽ, bằng chứng.  **2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**  - Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.  - Ý kiến, đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:  Xem SGK/56  **3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  - Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:  + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ…  + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng…  + Tuyệt (dứt, hết…): tuyệt bút, tuyệt nhiên…  + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận… |

**\*Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **II. Luyện tập** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hoá kiến thức*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | **II. Luyện tập** |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  HS hoàn thiện phiếu học tập sau:  LUẬN ĐỀ MẠNG XÃ HỘI  **Luận điểm 1**  **Mạng xã hội mang đến nhiều lợi ích**  **Luận điểm 2**  **Mạng xã hội gây ra nhiều tác hại**  **Lí lẽ 1.1**  …  **Lí lẽ 1.2**  …  **Lí lẽ 2.1**  …  **Lí lẽ 2.2**  …  **Bằng chứng**  …  **Bằng chứng**  …  **Bằng chứng**  …  **Bằng chứng**  …  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện viết vào phiếu họ tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | SP của học sinh |

LUẬN ĐỀ MẠNG XÃ HỘI

Luận điểm 1

Mạng xã hội mang đến nhiều lợi ích

Luận điểm 2

Mạng xã hội gây ra nhiều tác hại

Lí lẽ 1.1

Nhờ MXH sự giao tiếp dễ dàng hơn

Lí lẽ 1.2

MXH giúp con người mở mang tri thức

Lí lẽ 2.1

MXH tiềm ẩn nguy cơ đe dọa sự an toàn của người dùng

Lí lẽ 2.2

MXH khiến người dung rời xa cuộc sống

Bằng chứng

Hiện tượng bắt nạt trên mạng, hiện tượng rõ rĩ thông tin cá nhân

Bằng chứng

Các trang về giáo dục, khoa học, tin tức… giúp hiểu biết hơn về thế giới

Bằng chứng

Chứng nghiện MXH gây ra sự mất kết nối với cuộc sống

**Bằng chứng**

**Chứng nghiện MXH gây ra sự mất kết nối với cuộc sống**

Bằng chứng

Các chức năng gọi điện, nhắn tin giúp liên lạc bất kể ko gian, thời gian

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm kiến thức bài vừa học: luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng, nghĩa của yếu tố Hán Việt, nghĩa của từ có chứa yếu tố Hán Việt.

***- Bài sắp học:*** Đọc: VB1 Bức thư của thủ lĩnh da đỏ

+ Đọc, soạn các câu hỏi phần trải nghiệm cùng VB, Suy ngẫm và phản hồi.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ND:**

**TIẾT 27,28: VĂN BẢN 1: BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ**

***(Xi-át-tô)***

**Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS xem đoạn video và trả lời câu hỏi:  *Em hãy chia sẻ cảm xúc của mình sau khi xem những hình ảnh trong đoạn video?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 -3 thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV yêu cầu HS:* giới thiệu về tác giả *Xi-át-tô*và tác phẩm Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  Xi-át-tô (1786 – 1866) là tù trưởng của bộ tộc Duwamish, sinh sống tại vùng Tây Bắc Hoa Kì.  ***2. Tác phẩm***  a. Xuất xứ: Năm 1854, khi tổng thống Mĩ thứ 14 Phreng-Klin Pi-ơ-xơ tỏ ý muốn mua đất của người da đỏ. Thủ lĩnh của người da đỏ Xi-át-tô đã gửi thư để trả lời.  b. Thể loại: văn nghị luận  c. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận  d. Bố cục: 3 phần  - Phần 1 (từ đầu đến "*cha ông chúng tôi*"): Những điều thiêng liêng trong kí ức người da đỏ.  - Phần 2 (tiếp đến "*Đều có sự ràng buộc*"): Những lo âu của người da đỏ về đất đai môi trường sẽ bị tàn phá bởi người da trắng.  - Phần 3 (còn lại): Kiến nghị của người da đỏ về việc bảo vệ môi trường, đất đai. |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **\* Nhiệm vụ 1 : Tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.**  Thảo luận nhóm đôi  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản?*  HS hoàn thành PHT  **Vấn đề cần bàn luận**  Luận điểm 1  Luận điểm 2  Luận điểm 3  - Lí lẽ  - Bằng chứng  - Lí lẽ  - Bằng chứng  - Lí lẽ  - Bằng chứng  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi, hoàn thành PHT  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* Nhiệm vụ 2 : Mối liên hệ giữa luận đề và luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định luận đề*  *+ Phân tích mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi, hoàn thành PHT  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.**  a. Luận điểm 1: Sự thiêng liêng và hoà hợp của thiên nhiên đối với người da đỏ.  - *Lí lẽ:*Mỗi sự vật, hiện tượng thiên nhiên đều quý giá, thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ và mang chứa kí ức của người da đỏ trong nhiều thế hệ  - *Bằng chứng:*Mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng; dòng nước óng ánh … đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi; những tia sáng chói chang phản chiếu từ mặt hồ trong vắt sẽ nói lên cái gì đó về kí ức của người da đỏ; tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi.  b. Luận điểm 2: Cách sống chiếm hữu, không trân trọng thiên nhiên của người da trắng.  - *Lí lẽ:*Người da trắng lấy đi từ lòng đất những gì họ cần, mảnh đất này là kẻ thù của họ, họ cư xử với mẹ đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được.  - *Bằng chứng:*Ở thành phố của người da trắng, chẳng có nơi nào là yên tĩnh cả, chỉ có tiếng ồn ào lăng mạ; thiếu vắng đi âm thanh của tự nhiên như tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng…  c. Luận điểm 3: Lời kêu gọi về cách sống trân trọng thiên nhiên và muôn loài.  – Lí lẽ 1:Cần quý trọng không khí  - Bằng chứng:Không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở, người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó; ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ. – Lí lẽ 2:Cần coi muông thú sống trên mảnh đất này như người anh em  - Bằng chứng:dẫn ra sự việc cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn … vì bị người da trắng bắn để cho thấy hành vi của người da trắng với muông thú, nhằm mục đích cảnh báo nếu muông thú không còn, thì con người sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. – Lí lẽ 3:Cần kính trọng đất đai  - Bằng chứng:mảnh đất dưới chân … là những nắm tro tàn của cha ông chúng tôi, đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên; điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất.  **2. Mối liên hệ giữa luận đề và luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.**  - Luận đề: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên  - Như vậy, với luận đề mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, luận điểm 1 đưa ra chính đề, luận điểm 2 đưa ra phản đề, hai luận điểm này là cơ sở cho luận điểm 3 có tính chất như một kết luận. |
| **III. Tổng kết** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Chỉ rõ nét đặc sắc nghệ thuật và nội dung của văn bản?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Kết hợp nghị luận, miêu tả, biểu cảm  - Các lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng, cụ thể.  2. Nội dung:  Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của mình. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  *Sau khi học xong văn bản, đoạn văn nào để lại cho em ấn tượng mạnh nhất?Vì sao?*  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS trình bày trước lớp  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV nhận xét, đánh giá | IV. Luyện tập  SP của HS |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  “Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của em về vấn đề này bằng một đoạn văn khoảng một trăm năm mươi chữ.”  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện viết  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | SP của học sinh |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm nội dung văn bản

***- Bài sắp học:*** đọc: thiên nhiên và hồn người lúc sang thu.

+ Đọc, soạn các câu hỏi sgk/65

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ND:**

**TIẾT 29, 30: VĂN BẢN 2: THIÊN NHIÊN VÀ HỒN NGƯỜI LÚC SANG THU**

**(Vũ Nho)**

**\* Hoạt động 1: mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: *“Em hãy ghi lại một vài cảm nhận sau khi đọc bài thơ Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh trong chương trình ngữ văn 7”*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  *+ Nêu hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Vũ Nho, sinh năm 1948, quê ở Ninh Bình.  - Nhà nghiên cứu, phê bình văn học.  **2. Tác phẩm**  a. Xuất xứ:  Văn bản *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu*được trích Đi giữa miền thơ của NXB Văn học, năm 1999.  b. Thể loại: Văn nghị luận  c. Phương thức biểu đạt: nghị luận  d. Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “chúng ta sẽ nói lời:” Hình như Thu đã về” - Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa, tín hiệu báo thu về.  + Phần 2: Tiếp đến “ở hai khổ thơ trên” - Cảm nhận về quang cảnh trời đất lúc vào thu.  + Phần 3: Còn lại - Những biến chuyển âm thầm của tạo vật và suy ngẫm về cuộc đời người lúc chớm thu. |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **\* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.*  *+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng    **\* Nhiệm vụ 2: Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.**  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi:  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn sau: “ Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu ấn ….. mùa thu có them hương sắc mới”.*   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng**  - Luận đề: Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu.  - Luận điểm 1: Cảm nhận tinh tế về những tín hiệu giao mùa  + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.  + Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ” .  - Luận điểm 2: Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa  + Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.  + Đám mây mùa hạ mới thảnh thơi, duyên dáng “vắt nửa mình sang thu”.  - Luận điểm 3: Những suy tư và chiêm nghiệm của tác giả.  + Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.  + Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi.  **2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.**  - Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết là:    Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu ấn của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo.  - Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là: Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới. |
| **III. Tổng kết** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Chỉ rõ nét đặc sắc nghệ thuật và nội dung của văn bản?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  - Lựa lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  2. Nội dung  Văn bản là lời cảm nhận sâu sắc của tác giả Vũ Nho đối với thiên nhiên và hồn người trong bài thơ Sang Thu – Hữu Thỉnh. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Câu 5 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em có đồng ý với nhận định “Nhan đề Sang thu vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật” hay không? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | **IV. Luyện tập**  SP của HS |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Viết đoạn văn khoảng 7 – 9 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên lúc giao mùa  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện viết bài  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | SP của học sinh |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm nội dung văn bản

***- Bài sắp học:*** đọc kết nối chủ điểm: bài ca Côn Sơn

+ Đọc, soạn các câu hỏi sgk/66

**ND:**

**TIẾT 31: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: BÀI CA CÔN SƠN**

**(Nguyễn Trãi)**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức hoạt động “Truy tìm mật thư”  - GV sẽ phát cho mỗi tổ 1 mật thư trong đó sẽ có gợi ý về những từ khóa, HS dựa vào mật thư để hoàn thành ô chữ phía dưới mật thư  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia và nộp lại phiếu cho GV  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *Nguyễn Trãi* và tác phẩm *Bài ca Côn Sơn.*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Nguyễn Trãi (1380 – 1442), quê ở Hà Tây.  - Ông là người tài đức vẹn toàn, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh.  - Là người VN đầu tiên được công nhận: danh nhân văn hoá thế giới (1980).  ***2. Tác phẩm***  a. Xuất xứ: Trích Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi, Phan Võ, Lê Thước, Đào Phương Bình dịch, NXB văn hoá, 1962.  b. Thể thơ  Bài thơ dịch theo thể thơ lục bát.  c. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm  d. Bố cục: 2 phần  - Phần 1 (4 câu thơ đầu): Cảnh thiên nhiên Côn Sơn.  - Phần 2 (4 câu thơ cuối): Con người trong thiên nhiên Côn Sơn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **\* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu cảnh thiên nhiên Côn Sơn.**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ đầu.*  *+ Cảnh Côn Sơn được miêu tả qua những hình ảnh cụ thể nào?*  *+ Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về cảnh trí Côn Sơn?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cảnh sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Cho biết trong bài tác giả đã sử dụng đại từ nào? Sử dụng mấy lần? Đại từ đó chỉ ai?*  *+ Tìm các chi tiết miêu tả thiên nhiên và nhân vật “ta” trong đoạn thơ, từ đó nhận xét về mối quan hệ giữa thiên nhiên và nhân vật “ta”.*  *+ Các hoạt động đó đã vẽ nên một chân dung tâm hồn Nguyễn Trãi như thế nào ở Côn Sơn?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Cảnh thiên nhiên Côn Sơn***    Sử dụng điệp từ “ta”, “Côn Sơn”; phép so sánh “ suối chảy rì rầm – đàn cầm”, “đá rêu phơi – chiếu êm” lấy động để tả tĩnh. Khung cảnh thiên nhiên khoáng đạt, hài hòa, dịu dàng, thanh tĩnh và nên thơ. Gợi cảm giác của cõi yên tĩnh, tu dưỡng tâm hồn.  ***2. Cảnh sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn***    - Đại từ “ta” – có mặt 5 lần – chỉ Nguyễn Trãi đang sống những ngày nhàn hạ, ẩn dật ở Côn Sơn.  - Nguyễn Trãi là người vô cùng yêu quý, hòa hợp, gần gũi với thiên nhiên; cảm nhận bằng tất cả giác quan bén nhạy và tâm hồn nghệ sĩ phóng khoáng, tài hoa của mình. Thể hiện nhân cách thanh cao, phẩm chất thi sĩ, nghệ sĩ lớn của Nguyễn Trãi. |
| **III. Tổng kết** | |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trả lời một số câu hỏi:  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Đan xen các câu thơ tả cảnh và tả người.  - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật: So sánh, điệp ngữ.  - Bản dịch thơ sử dụng thể thơ lục bát có vần điệu nhịp nhàng, sinh độn.g  **2. Nội dung**  Bài thơ cho thấy khung cảnh thiên nhiên ở Côn Sơn nên thơ hấp dẫn cùng sự giao hòa giữa con người với thiên nhiên được bắt nguồn từ tâm hồn thi sĩ của Nguyễn Trãi. |

**\* Hoạt động 3: luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong văn bản.***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá.** | **IV. Luyện tập**  SP của HS |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | SP của học sinh |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm nội dung văn bản

***- Bài sắp học:*** Thực hành Tiếng Việt

Xem lại nội dung đã học ở các bài 1,2 và các tiết 26 – 30 của bài 3.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ND:**

**TIẾT 32,33: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em đã được học những gì về từ Hán Việt?”  - HS suy nghĩ trả lời  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Phần trả lời của học sinh  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Nhiệm vụ 1: Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán Việt đó**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập.  + Yếu tố Hán Việt là gì?  + Từ Hán Việt là gì?  +Từ ghép Hán Việt có mấy loại? Đó là những loại nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> ghi bảng | **I. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán Việt đó**    - Các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.  - Từ Hán Việt là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt.  - Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.  - Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt:  Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:  + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ…  + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng…  + Tuyệt (dứt, hết…): tuyệt bút, tuyệt nhiên…  +  Vô (không, không có):  vô bổ, vô tận… |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Bài tập SGK trang 66 – 67  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá.** | **II. Luyện tập** |

**\* Đáp án bài tập**

**Câu 1 SGK – tr 66:**Tìm thêm các từ Hán Việt để điền vào bảng sau và giải thích ý nghĩa của mỗi từ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ Hán Việt** |
| 1 | vô (không) | vô tình… |
| 2 | hữu (có) | hữu tình… |
| 3 | hữu (bạn) | thân hữu… |
| 4 | lạm (quá mức) | lạm thu… |
| 5 | tuyệt (tột độ, hết mức) | tuyệt sắc… |
| 6 | tuyệt (dứt, hết) | tuyệt giao… |
| 7 | gia (thêm vào) | gia vị… |
| 8 | gia (nhà) | gia phong… |
| 9 | chinh (đánh dẹp) | chinh phạt… |
| 10 | chinh (đi xa) | chinh nhân… |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ Hán Việt** |
| 1 | vô (không) | vô tình, vô sự, hư vô… |
| 2 | hữu (có) | hữu tình, hữu ý, hữu duyên… |
| 3 | hữu (bạn) | thân hữu, bằng hữu… |
| 4 | lạm (quá mức) | lạm thu, lạm phát, lạm dụng… |
| 5 | tuyệt (tột độ, hết mức) | tuyệt sắc, tuyệt đối… |
| 6 | tuyệt (dứt, hết) | tuyệt giao, tuyệt tình, tuyệt tôn… |
| 7 | gia (thêm vào) | gia vị, gia tăng… |
| 8 | gia (nhà) | gia phong, gia đình, … |
| 9 | chinh (đánh dẹp) | chinh phạt, chính chiến… |
| 10 | chinh (đi xa) | chinh nhân, viễn chinh… |

**Câu 2 SGK – tr 67:**Đặt ba câu với ba từ Hán Việt tìm được ở bài tập 1.

**Trả lời:**

- Phong cảnh nơi đây thật hữu tình.

- Dân số nước ta đang gia tăng chóng mặt.

- Kì thi này bạn Nguyễn Văn A đã đạt điểm tuyệt đối tất cả các môn.

**Câu 3 SGK – tr 67:**Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:

a. Bức tranh thu từ những gì **vô hình** (hương, gió), từ ngõ hẹp (ngõ) chuyển sang những nét **hữu hình**, cụ thể (sông, chim, mây) với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vời.

(Vũ Nho, *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu*)

b. Nhưng có điều khi sang thu, khi nửa đời nhìn lại thì người ta một mặt sâu sắc thêm, chín chắn thêm, **thâm trầm**, **điềm đạm** thêm, mặt khác người ta phải **khẩn trương**thêm, gấp gáp thêm.

(Vũ Nho, *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)*

c. Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm thì đứng trước nguy cơ **tuyệt chủng**.

(Phan Anh Hải, *Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam và thế giới*)

d. Đối với **đồng bào** tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi.

(Xi-át-tô, *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*)

**Trả lời:**

a. - vô hình: không nhìn thấy (hương, gió)

- hữu hình: có thể nhìn thấy (sông, chim, mây)

b. - thâm trầm, điềm đạm: tỏ ra sự nhẹ nhàng, từ tốn, kín đáo sâu sắc và không gắt gỏng.

- khẩn trương: vội vàng, cấp bách.

c. tuyệt chủng: kết thúc sự sinh tồn

d. đồng bào: những người cùng một giống nòi, một dân tộc

**Câu 4 SGK – tr 67:**Trong đoạn văn sau, nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi không? Vì sao?

Tôi là kẻ **hoang dã**, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ **hoang dã**, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.

**Trả lời:**

Nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi. Vì: từ mông muội có nghĩa là tối tăm, mù mịt và ngu dại; nếu sử dụng như vậy người viết sẽ tự cho mình là kẻ không có hiểu biết, đồng thời khiến cảm xúc đoạn văn đi xuống theo chiều tiêu cực.

**Câu 5 SGK – tr 67:**Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ sau và cho ví dụ minh họa:

a. Vô tư/ vô ý thức

b. Chinh phu/ chinh phụ

**Trả lời:**

a.

- Vô tư: không hoặc ít lo ngại, sống hồn nhiên.

- Vô ý thức: Không có chủ định, không nhận biết rõ ý nghĩa của việc (sai trái) mình đang làm.

→ Đặt câu:

- Nhìn các cô bé, cậu bé đang vô tư cười đùa trông thật hạnh phúc biết bao.

- Mặc dù là nơi tâm linh, nhưng có người vẫn vô ý thức ném rác bừa bãi.

b.

- chinh phu: người đàn ông đi đánh trận nơi xa thời phong kiến.

- chinh phụ: vợ của người đàn ông đang đi đánh trận thời phong kiến.

→ Đặt câu:

- Hình ảnh kẻ chinh phu trong lòng người chinh phụ là một hình ảnh không gì có thể làm phai mờ.

- Hình ảnh người chinh phụ đang đau đáu chờ chồng đi chinh chiến nơi xa thật khiến cho người ta cảm động.

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm nội dung bài vừa học

***- Bài sắp học:***

Đọc mở rộng theo thể loại: LỐI SỐNG ĐƠN GIẢN – XU THẾ CỦA THẾ KỈ XXI

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ND:**

**TIẾT 34: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

**LỐI SỐNG ĐƠN GIẢN – XU THẾ CỦA THẾ KỈ XXI**

**- Chương Thâu -**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: Theo em lối sống đơn giản là gì? Em đã sống một lối sống đơn giản chưa?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  *+ Trình bày hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Chương Thâu, sinh năm 1935, quê ở Nghệ An  - Nhà nghiên cứu văn học, lịch sử.  **2. Tác phẩm**  a. Xuất xứ: Văn bản Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI được in trong Báo Văn nghệ, số Tết, năm 2002.  b. Thể loại: Văn nghị luận  c. Phương thức biểu đạt: Nghị luận  d. Bố cục: Gồm 3 phần:  - Phần 1 (từ đầu đến “của thế kỉ XXI”): giới thiệu về trào lưu sống đơn giản.  - Phần 2 (tiếp đến “Hồ Chí Minh…”): bàn luận về trào lưu sống đơn giản.  - Phần 3 (còn lại): nhận xét về lối sống đơn giản. |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **\* Nhiệm vụ 1: *Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.*  *+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* Nhiệm vụ 2: Vai trò của lí lẽ và bằng chứng**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Chỉ rõ vai trò của lí lẽ và dẫn chứng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 3: *Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm****câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***  - Luận đề: Lối sống đơn giản  *- Luận điểm 1: Sống đơn giản là gì?*  + Lí lẽ: Theo quan niệm của những người đề xướng ra trào lưu.  + Bằng chứng: Sống đơn giản không đồng nghĩa với lối sống khổ hạnh. Sống đơn giản là tự lắng nghe chính mình.  *- Luận điểm 2: Lợi ích của việc sống đơn giản.*  + Lí lẽ: Sống đơn giản giúp thoát khỏi cái bẫy của vật chất và làm giàu cho đời sống tinh thần.  + Bằng chứng: Giúp biết kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân.  *- Luận điểm 3: Tiêu chuẩn của lối sống đơn giản.*  + Lí lẽ: Nhiều danh nhân đã lựa chọn cuộc sống như vậy.  + Bằng chứng: Đáp ứng đầy đủ nhu cầu thiết yếu. Lối sống đơn giản từ xưa đã được cha ông coi trọng.  **2. Vai trò của lí lẽ và bằng chứng**  - Liệt kê lại những ví dụ thực tế.  - Minh chứng làm sáng tỏ luận đề, luận điểm chính.  - Làm cho bài viết mang tính xác thực.  -> Góp phần khẳng định ý nghĩa của lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI. (luận đề).  **3. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.**  - Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết trong đoạn thứ tư của văn bản là:  “Có thể kể ra ở đây có rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Chí Minh…”  - Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của văn bản là:  “Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống này là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, đi lại.” |
| **III. Tổng kết** | |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Văn bản bàn về lối sống đơn giản và lợi ích mà lối sống đơn giản đem đến cho con người.  ***2. Nghệ thuật***  - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  - Lựa lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Em hãy đưa ra một số ý kiến của em về cách hình thành thói quen sống giản dị ở xã hội hiện nay  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **-** Nhìn nhận lại bản thân. Mỗi tối, hãy ngẫm lại xem hôm nay mình đã làm được những gì, cái nào tốt hơn, cái nào cần sửa, cái nào giúp mình tiến bộ.      - Tự khích lệ bản thân mỗi sáng thức dậy. Mỗi ngày đều là sự khởi đầu mới, hãy bắt đầu bằng những ý nghĩ *“Tôi xinh đẹp”, “Tôi tài năng”, “Tôi chắc chắn làm được”..*. Bởi lẽ, người biết yêu thương chính mình mới được phép sống hạnh phúc. |

**\* Hướng dẫn tự học**

- Bài vừa học: Nắm nội dung bài vừa học

- Bài sắp học: ôn tập giữa kì 1

**ND:**

**TIẾT 35,36: ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Câu hỏi gợi mở.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  + Nêu một số nội dung đã học ở các bài 1,2 và 3.  - HS suy nghĩ trả lời  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Phần trả lời của học sinh  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được văn bản thơ, văn bản thông tin, văn bản nghị luận

**b. Nội dung:** Ôn tập tổng hợp các nội dung đã học ở bài 1,2,3.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Nhiệm vụ 1: Lý thuyết**  **\* Văn bản thơ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi  *+ Trình bày đặc điểm thơ sáu chữ, bảy chữ.*  *+ Trình bày bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.*  *+ Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học.*  + Nối cột A với cột B   |  | | --- | | B | | a. Trương Nam Hương | | b. Lý Hữu Lương | | c. Trương Gia Hoà | | Tố Hữu |  |  | | --- | | A | | 1. Nhớ đồng | | 2. Trong lời mẹ hát | | 3. Chái bếp | | 4. Những chiếc lá thơm tho |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> ghi bảng  **\* Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi  *+ Trình bày*  *+ Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu*  *+ Trình bày đặc điểm, chức năng đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> ghi bảng  **\* Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi  *+ Trình bày khái niệm luận đề, luận điểm trong văn nghị luân.*  *+ Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> ghi bảng  **\* Thực hành tiếng Việt**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi  *+ Trình bày Từ tượng thanh là gì? từ tượng hình là gì? Tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh. Cho ví dụ minh hoạ.*  *+ Trình bày đoạn văn diễn dịch, đoạn văn quy nạp, song song, phối hợp.*  *+ Yếu tố Hán Việt là gì? Từ Hán Việt là gì? Các loại từ ghép Hán Việt.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> ghi bảng    **\* Trình bày đoạn văn**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi  *+ Quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.*  *+ Quy trình viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> ghi bảng  **\* Nhiệm vụ 2: Thực hành**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS xem lại các bài tập phần ôn tập bài 1,2  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá.** | **I. Lý thuyết**  **1. Văn bản thơ**  - Khái niệm thơ sáu chữ, thơ bảy chữ.  - Vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách.  - Bố cục của bài thơ  - Mạch cảm xúc của bài thơ  - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học.  - Nắm lại phân tích nội dung, nghệ thuật của mỗi văn bản.  **2. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên**    - Định nghĩa  - Hình thức xuất hiện  - Cấu trúc  - Cách sử dụng ngôn ngữ  - Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.    **3. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**  - Khái niệm: + Luận đề  + Luận điểm  - Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.  **4. Thực hành tiếng Việt**  **\* Từ tượng hình và từ tượng thanh**  - Từ tượng hình  - Từ tượng thanh  - Tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh  **\* Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm, chức năng.**  - Đoạn văn là gì?  - Đoạn văn diễn dịch  - Đoạn văn quy nạp  - Đoạn văn song song  - Đoạn văn phối hợp  **\*Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán Việt.**  - Các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.  - Từ Hán Việt là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt.  - Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.  **5. Trình bày đoạn văn**  - Quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.  - Quy trình viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.  **II. Thực hành** |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học các bài 1,2,3

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, sách tham khảo kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho bài tập- HS xác định yêu cầu bài tập  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá.** |  |

**\*Bài tập:**

1. Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ “Nhớ đồng” của Tố Hữu.

**Gợi ý**

Nhớ đồng là bài thơ bộc bạch những tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình - cũng chính là nhà thơ Tố Hữu khi bị giam cầm trong lao ngục. Vốn là một người tự do về thể xác lẫn tâm hồn, được nhiệt thành hoạt động cho cách mạng. Vậy mà bỗng nhiên, anh lại bị giam cầm trong bốn bức tường. Một âm thanh vang lên từ thế giới bên ngoài thôi cũng đủ để đánh thức những kỉ niệm vốn ngủ sâu trong kí ức của anh. Đó là những hồi ức về một miền quê thanh bình có cánh đồng lúa mênh mông, có mái nhà tranh mờ khói, có người mẹ già tần tảo cô đơn. Những hình ảnh ấy khiến cho ngục tù càng thêm bí bách, chật chội và ngột ngạt đến khó thở. Tác giả đã thể hiện những cảm xúc, suy tư của mình một cách trực tiếp qua các cụm từ “gì đâu bằng”, “đâu những”. Từ đó, giúp người đọc cảm nhận được nỗi khát vọng được tự do, được trở về quê hương yêu dấu của tác giả.

2. Xác định cấu trúc và tìm câu chủ đề của đoạn văn sau:

Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp. Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hiện tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” nói riêng, đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời nay.

**Gợi ý:**

- Câu chủ đề: Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất.

- Cấu trúc: đoạn văn diễn dịch.

3. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.

Gợi ý đoạn văn mẫu

Hiện nay, bao bì ni lông là vật dụng không thể thiếu đối với đời sống con người. Vì nó nhẹ, rẻ lại tiện lợi nên đáp ứng hầu hết các nhu cầu khác nhau trong đời sống. Tuy nhiên, do **lạm dụng** bao bì ni lông nên đã để lại những hậu quả **vô cùng** nghiêm trọng. Bao bì ni lông có tính chất không phân hủy. Nếu lẫn vào đất thì đất đai sẽ bị xói mòn, rơi xuống cống sẽ gây tắc nghẽn, ngập lụt, trôi ra biển sẽ làm chết các sinh vật khi chúng bị nuốt phải… Tình trạng xả rác thải nhựa bừa bãi, **vô ý thức** khiến môi trường bị ô nhiễm nặng nề. Do đó, chúng ta cần hạn chế **sử dụng** bao bì ni lông và có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường.

- Từ Hán Việt: lạm dụng, vô cùng, vô ý thức, sử dụng

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học sưu tầm và tập viết đoạn văn.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  HS chọn một trong hai đề sau:  - Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.  - Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu, trình bày suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước có sử dụng ít nhất một từ tượng hình hoặc tượng thanh  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm nội dung bài vừa học

***- Bài sắp học:*** CB tốt bài Kiểm tra giữa kì I

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ND:**

**TIẾT 37,38: KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ND:**

**TIẾT 39- 40:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một vấn đề đời sống hiện nay mà em quan tâm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá kết quả  - GV dẫn vào bài học mới |  |

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Phiếu học tập  *1. Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì? Tác giả thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối đối với vấn đề đó?*  *2. Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết?*  *3. Nhận xét về sức thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng được tác giả nêu ra?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\*Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn quy trình viết**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Đó là những bước nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **Văn bản: Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên**(Theo Hồ Quang Trung, Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 5 năm 2021)  **- Luận đề:** Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên.  - Tác giả thể hiện thái độ đồng tình với vấn đề trên.  - Sơ đồ:  Soạn bài Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống | Hay nhất Soạn văn 8 Chân trời sáng tạo (ảnh 1)  - Tác giả đưa ra các lí lẽ, bằng chứng phù hợp, dễ hiểu giúp người đọc xác định và hình dung rõ hơn vấn đề đang bàn luận và soi xét vào thực tế cuộc sống.  **II. Hướng dẫn quy trình viết**  Đề bài: *Câu lạc bộ Văn học* trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một văn bản nghị luận bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - Em có thể chọn một vấn đề dưới đây để bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối:  + Tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.  + Hiện tượng xả rác bừa bãi.  + Nạn săn bắt thú hoang dã.  + Tuổi trẻ cần có trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường sống.  + Cần cấm sử dụng vật dụng bằng ni lông để bảo vệ môi trường.  + …  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  - Liệt kê các ý kiến đồng tình hoặc phản đối về đề tài đã chọn dựa vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Đồng tình |  |  | | Phản đối |  |  |   - Sắp xếp các ý tìm được dựa vào dàn ý sau:   |  |  | | --- | --- | | Mở bài | - Nêu vấn đề cần bàn luận.  - Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về  vấn đề cần bàn luận. | | Thân bài | 1. Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận  2. Bàn luận:  - Trình bày vấn đề cần bàn luận.  - Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối  về vấn đề cần bàn luận.  - Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng  tỏ luận điểm. | | Kết bài | Khẳng định lại vấn đề.  Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học. |   **Bước 3: Viết bài**  Viết bài văn dựa trên dàn ý. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài.  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết. (xem sgk/73) |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm theo đề bài cho sgk/71  - HS tiếp tục viết bài theo đề bài đã cho.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS lên kiểm phiếu để nêu bài thơ được bình chọn là bài thơ hay nhất của lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

**\* Hướng dẫn tự học**

- Bài vừa học: Ôn tập, nắm được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống

- Bài sắp học: Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ND:**

**TIẾT 41 NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi gợi mở: *“Theo em, khi trình bày một vấn đề nào đó trước đám đông, chúng ta cần có tác phong như thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.  - GV dẫn vào bài học |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Các bước trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu rõ yêu cầu ( Hoàn thành phiếu học tập)  *+ Nêu các bước trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  - PHT số 1   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Dự kiến của tôi** | | **Luận đề** |  | | **Người nghe** |  | | **Thời gian, không gian** |  | | **Hình thức trình bày** |  |   - PHT số 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ý kiến | Lí lẽ | Bằng chứng | | **Đồng tình** |  |  | | **Phản đối** |  |  |   - Sơ đồ:    - Xem bảng kiểm các tiêu chí đánh giá sgk/75  **\* Nhiệm vụ 2: Thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Các bước trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**  - Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói  - Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý  - Bước 3: Luyện tập và trình bày  - Bước 4: Trao đổi và đánh giá  **II. Thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**  Em hãy trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hoàn thành bài nói và nghe  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

**\* Hướng dẫn tự học**

- Bài vừa học: Nắm nội dung bài vừa học, tập thực hành luyện nói.

- Bài sắp học: Soạn trước bài *Ôn tập*.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

ND:

**TIẾT 42: ÔN TẬP**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: ***Sau khi học xong chủ đề 3, em đã được cung cấp thêm kiến thức liên quan đến nội dung gì?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  - GV dẫn vào bài Ôn tập |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Thống kê văn bản nghị luận**  **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS hoàn thành bảng mẫu theo nhóm (3 nhóm)  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm)  **\* Nhiệm vụ 2: Lí thuyết văn nghị luận**  **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận câu hỏi 2,3 sgk/76  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện câu trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét -> ghi bảng  **\* Nhiệm vụ 3: Thực hành tiếng Việt**  **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận câu hỏi 4 sgk/76  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện câu trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét -> ghi bảng  **\* Nhiệm vụ 4: Tổng hợp**  **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm câu hỏi 5,6,7 sgk/76  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện câu trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét -> ghi bảng | **1. Thống kê văn bản nghị luận**  **(bảng mẫu sgk/76)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ |  |  |  | | Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu |  |  |  | | Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI |  |  |  |   **2. Lí thuyết văn nghị luận**  - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được làm sáng tỏ bằng hệ thống luận điểm và các lí lẽ, bằng chứng.  - Bằng chứng khách quan:  + Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện…  + Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.  - Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết:  + Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.  + Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.  - Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng giúp làm sáng rõ luận đề. Mỗi lí lẽ, dẫn chứng giúp cho luận đề trở nên dễ hiểu, dễ hình dung và thuyết phục người đọc, người nghe hơn.  **3. Thực hành tiếng Việt**  **4. Tổng hợp** |

**\*Đáp án bài tập**

**Câu 1 SGK – TR 76:**Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| Bức thư của thủ lĩnh da đỏ |  |  |  |
| Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu |  |  |  |
| Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI |  |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | - Luận đề: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên | - Luận điểm 1: Sự thiêng liêng và hoà hợp của thiên nhiên đối với người da đỏ.  - Luận điểm 2: Cách sống chiếm hữu, không trân trọng thiên nhiên của người da trắng.  - Luận điểm 3: Lời kêu gọi về cách sống trân trọng thiên nhiên và muôn loài. | Luận điểm 1:  Mỗi sự vật, hiện tượng thiên nhiên đều quý giá, thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ và mang chứa kí ức của người da đỏ trong nhiều thế hệ + Mảnh đất là người mẹ, bông hoa là người chị, người em.  + Dòng nước là máu của tổ tiên.  + Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.  Luận điểm 2:  Người da trắng lấy đi từ lòng đất những gì họ cần, mảnh đất này là kẻ thù của họ, họ cư xử với mẹ đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được.  + Họ sẽ lấy đi trong lòng đất những gì họ cần.  + Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai.  + Họ chẳng để ý đến bầu không khí mà họ hít thở.  Luận điểm 3:  Cần quý trọng không khí. Cần coi muông thú sống trên mảnh đất này như người anh em. Cần kính trọng đất đai  + Phải biết quý trọng đất đai.  + Hãy khuyên bảo chúng đất là mẹ. |
| Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu | Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu | - Luận điểm 1: Cảm nhận tinh tế về những tín hiệu giao mùa  - Luận điểm 2: Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa  - Luận điểm 3: Những suy tư và chiêm nghiệm của tác giả. | - LĐ 1:  + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.  + Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ” .  - Luận điểm 2:  + Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.  + Đám mây mùa hạ mới thảnh thơi, duyên dáng “vắt nửa mình sang thu”.  - Luận điểm 3:  + Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.  + Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi. |
| Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI | Lối sống đơn giản | - LĐ 1: Sống đơn giản là gì?  - LĐ 2: Lợi ích của việc sống đơn giản  - LĐ 3: Tiêu chuẩn của lối sống đơn giản. | *- Luận điểm 1:*  + Lí lẽ: Theo quan niệm của những người đề xướng ra trào lưu.  + Bằng chứng: Sống đơn giản không đồng nghĩa với lối sống khổ hạnh. Sống đơn giản là tự lắng nghe chính mình.  *- Luận điểm 2*  + Lí lẽ: Sống đơn giản giúp thoát khỏi cái bẫy của vật chất và làm giàu cho đời sống tinh thần.  + Bằng chứng: Giúp biết kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân.  - Luận điểm 3:  + Lí lẽ: Nhiều danh nhân đã lựa chọn cuộc sống như vậy.  + Bằng chứng: Đáp ứng đầy đủ nhu cầu thiết yếu. Lối sống đơn giản từ xưa đã được cha ông coi trọng. |

**Câu 4 SGK -tr 76:** Liệt kê ít nhất mười từ có chứa các yếu tố Hán Việt đã học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.

**Trả lời:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ có các yếu tố Hán Việt** | **Giải thích ý nghĩa** |
| dân gian | ở trong dân |
| trí tuệ | sự hiểu biết và kiến thức sâu rộng |
| sứ giả | người được coi là đại diện tiêu biểu cho nhân dân |
| bình dân | con người bình thường |
| bất công | không công bằng |
| hoàn mĩ | đẹp đẽ hoàn toàn |
| triết lí | nguyên lí, đạo lí về vũ trụ và nhân sinh |
| bất hạnh | không may gặp phải điều rủi ro, đau khổ |
| nguy kịch | hết sức nguy hiểm, đe dọa nghiêm trọng đến sự sống còn |
| hạnh phúc | một trạng thái cảm xúc vui vẻ của người |

**Câu 5 SGK – tr76:**Trình bày những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**Trả lời:**

Những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là:

- Hiểu rõ những gì mình viết

- Quản lí được nội dung và bố cục bài viết.

- Bám sát luận đề

- Lập luận cần đưa ra đủ lí lẽ, bằng chứng thuyết phục

- …

**Câu 6 SGK - tr 76:**Ghi lại những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.

**Trả lời:**

Những kinh nghiệm em thu nhận dược sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.

- Luôn tự tin, trình bày quan điểm cá nhân.

- Lắng nghe, tiếp thu ý kiến từ mọi người xung quanh.

- Yêu thiên nhiên con người, sống hòa hợp với thiên và con người.

- …

**Câu 7 SGK - tr 76:**Em hãy thiết kế một sản phẩm sáng tạo mang thông điệp: “Mọi sự sống đều thiêng liêng, đáng quý”.

**Trả lời:**

Em có thể vẽ tranh, vẽ khẩu hiệu, sưu tầm ảnh,…

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 3***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 3***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt nội dung bài học |  |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt nội dung bài học |  |

**\* Hướng dẫn tự học**

- Bài vừa học:

+ Nắm lại nội dung ***Bài 3: Sự sống thiêng liêng***

- Bài sắp học: ***Soạn bài 4: trả bài kiểm tra giữa kì 1***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**ND:**

**TIẾT 43: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nêu ngắn gọn những cảm xúc, suy nghĩ, kinh nghiệm, …mình đã rút ra được sau khi làm bài kiểm tra giữa kì trước đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.  - GV dẫn vào bài học |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Nhận xét ưu và nhược điểm của bài làm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình, chú ý nhận xét ưu điểm và hạn chế của bài.  - GV mời 1 HS phát đề  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* Nhiệm vụ 2: Chữa các lỗi sai**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình, chú ý lỗi sai trong bài.  - GV mời 1 HS phát đề  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* Nhiệm vụ 3: Kiểm tra lại bài và ghi điểm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình về điểm  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → GV gọi tên – HS hô điểm – GV ghi vào sổ điểm | **I. Nhận xét**  - Ưu điểm  - Hạn chế    **II. Chữa các lỗi sai**  - Sai chính tả  - Sai cách dùng câu  - Trình bày đoạn văn chưa hợp lí  - …  **III. Gọi tên ghi điểm** |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS *đọc nhanh và ghi nhớ, sau đó sắp xếp thứ tự các câu văn sao cho hợp lí để hoàn thiện đoạn văn mạch lạc.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Thực hiện hoàn thành bài tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

*Hs đọc nhanh và ghi nhớ, sau đó sắp xếp thứ tự các câu văn sao cho hợp lí để hoàn thiện đoạn văn mạch lạc. Chỉ ra câu chủ đề của đoạn văn, cách trình bày đoạn văn.*

1. Hiện nay, tình hình giao thông trên địa bàn thành phố đang có rất nhiều bất cập, đặc biệt là tình trạng ùn tắc giao thông.

2. Về lâu dài, nên mở rộng diện tích đất của trung tâm TP.HCM ra ngoại thành, tức là giãn dần ra khỏi khu hành chính trung tâm xuất hiện để thực hiện bài toán trên.

3. Đường thường xuyên tắc nghẽn vì những lý do sau: gần trường học, đường tàu chạy qua, trời mưa thường gặp nước, đèn giao thông bị hỏng mà không được can thiệp kịp thời của CSGT, ý thức của người dân...

4. Cơ quan hành chính, trường học, bệnh viện nên kéo ra xa khỏi trung tâm.

5. Chống ùn tắc giao thông là vấn đề của toàn xã hội chứ không phải của riêng ngành CSGT.

Đáp án: + Thứ tự: 1 - 3 – 5 – 2 – 4

+ Câu chủ đề: Câu 1

+ Cách trình bày đoạn văn: diễn dịch

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

**\* Hướng dẫn tự học**

- Bài vừa học: Nắm nội dung bài vừa học

- Bài sắp học: Soạn trước bài *4 Sắc thái của tiếng cười (truyện cười)*

Tổ trưởng Người soạn

Phạm Thị Minh Nguyệt Huỳnh Thị Bích Thùy